

Bản án số: 47/2026/HS-PT  
Ngày 16 - 4 - 2026.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cảnh và ông Lại Văn Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 10/2026/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo Bùi Mạnh C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

**Bị cáo có kháng cáo:**

**Bùi Mạnh C**, sinh năm 1981 tại Ninh Bình; nơi thường trú: Tổ D, xã X, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn năm 2018) và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 5 năm 2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; hiện đang tại ngoại tại nơi thường trú, có mặt.

Ngoài ra còn 06 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (Toà án không triệu tập).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Xây dựng thương mại và Sản xuất kinh doanh than T (sau đây gọi là Công ty T), có mã số thuế 0601203903 tại

xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình. Ngành nghề đăng ký kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, than ... người đại diện theo pháp luật ông Bùi Mạnh C - Giám đốc và được thành lập từ ngày 11/11/2020. Thời điểm đầu khi thành lập Công ty hoạt động kinh doanh vật liệu là xít than phục vụ cho hoạt động của các lò đốt gạch; từ giữa năm 2021 đến tháng 9 năm 2023, Công ty không hoạt động sản xuất kinh doanh và sau đó Bùi Mạnh C đã thực hiện hành vi mua, bán hóa đơn GTGT không (*hóa đơn có ghi các chỉ tiêu, nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo*), với mục đích thu lợi bất chính. Cụ thể: Từ tháng 09 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, C đã mua hóa đơn GTGT đầu vào không cho Công ty T của 19 Công ty “ma” (*Công ty không hoạt động tại địa chỉ đăng ký, không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, mục đích thành lập để xuất bán hóa đơn không*); C trực tiếp hoặc thông qua Trần Thị T1 và Trần Thị C1 để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT không của Công ty T cho nhiều Công ty, đơn vị trong và ngoài tỉnh Ninh Bình như sau:

Về việc mua trái phép hóa đơn GTGT đầu vào không cho Công ty T, từ tháng 9 năm 2023, Bùi Mạnh C đã nhờ Trần Thị T1 (Kế toán Công ty T) liên hệ để mua trái phép hóa đơn GTGT đầu vào không cho Công ty T. Thông qua mạng xã hội, Trần Thị T1 liên hệ với Hoàng Thị Hải Y để mua trái phép 16 số hóa đơn GTGT không của 03 Công ty (*Công ty TNHH Đ, Công ty TNHH T và Công ty TNHH T*) xuất bán cho Công ty T, với số tiền 3% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Việc thanh toán trả tiền mua hóa đơn được chuyển tiền cho Trần Thị T1, T1 sử dụng tài khoản cá nhân (số tài khoản 48610000188244 - Ngân hàng B) để chuyển trả tiền mua hóa đơn cho Y qua số tài khoản của Y là 19028785870053 (Ngân hàng T4). Cụ thể T1 đã 02 lần chuyển khoản cho Y với tổng số tiền 184.236.000 đồng (*Lần 1 ngày 28/10/2023, chuyển khoản số tiền 9.640.000 đồng; lần 2 ngày 12/11/2023, chuyển khoản số tiền 174.596.000 đồng*).

Kể từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, thông qua T1 giới thiệu và cho số điện thoại của Y, Bùi Mạnh C đã tự liên hệ với Y để mua trái phép hóa đơn cho Công ty T. Hình thức giao dịch mua bán hóa đơn được thực hiện thông qua ứng dụng Telegram trên điện thoại. Về việc thanh toán trả tiền mua hóa đơn cho Y, người của Y về thành phố N lấy tiền mặt hoặc C đến Thành phố Hà Nội trả tiền mặt, C nhận được hóa đơn, chứng từ, hợp đồng liên quan từ người của Y đưa cho. Thông qua Hoàng Thị Hải Y giới thiệu và cho số điện thoại của H ở Thành phố Hà Nội (chưa rõ thông tin về nhân thân, lai lịch, nơi cư trú của H), Bùi Mạnh C tiếp tục liên hệ với H để mua hóa đơn GTGT đầu vào không cho Công ty T. Bùi Mạnh C không xác định được hóa đơn nào mua của Y, hóa đơn nào mua của H. Bùi Mạnh C và Trần Thị T1 xác định toàn bộ số hóa đơn đầu vào không của Công ty T được mua từ Y, Hà bán với số tiền 3% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các hóa đơn.

Căn cứ tài liệu điều tra, tờ khai thuế GTGT, bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra của Công ty T đã xác định:

Từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, Bùi Mạnh C đã mua tổng số 457 số hóa đơn GTGT không đầu vào cho Công ty T, với tổng số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế là 241.774.837.192 đồng; tổng tiền thuế ghi trên hóa đơn là 22.089.843.754 đồng, trong đó: Trần Thị T1 trực tiếp liên hệ mua 16 số hóa đơn GTGT không (tại thời điểm tháng 09 năm 2023), cụ thể số hóa đơn đầu vào không của Công ty T (có danh sách kèm theo phụ lục 1).

Tổng số tiền Bùi Mạnh C đã chi phí để mua 457 số hóa đơn là 7.253.245.115 đồng (241.774.837.192 đồng x 3% = 7.253.245.115 đồng), trong đó, Trần Thị T1 chuyển khoản cho Y số tiền 184.236.000 đồng, số tiền còn lại được Bùi Mạnh C nhiều lần trả bằng tiền mặt cho Y, H.

Việc bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T cho các Công ty, đơn vị, cụ thể:

Trong thời gian từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 10 năm 2024, với vai trò là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty T, Bùi Mạnh C đã bán trái phép tổng cộng 476 số hóa đơn GTGT không (*hóa đơn có ghi các chỉ tiêu, nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo*) của Công ty T xuất cho 116 Công ty, đơn vị. Số tiền bán trái phép hóa đơn là 5% tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C trực tiếp bán hóa đơn cho khách hàng hoặc bán thông qua môi giới (Trần Thị T1 và Trần Thị C1).

Việc Bùi Mạnh C bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T thông qua Trần Thị T1 được thể: Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán hóa đơn cho T1 với số tiền 05% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn, T1 bán lại cho các Công ty, đơn vị với số tiền từ 05% đến 07% để hưởng chênh lệch. Cụ thể khi khách hàng (các Công ty, đơn vị mua hóa đơn) có nhu cầu mua hóa đơn không, T1 sẽ gửi thông tin cho C (*tên hàng hóa, số lượng, chủng loại, đơn giá*), C đồng ý, T1 sử dụng USB Token do C đưa để xuất hóa đơn cho khách hàng. Về hợp đồng kinh tế, chứng từ liên quan do bên khách hàng mua hóa đơn soạn thảo; sau đó T1 đưa cho C ký, đóng dấu Công ty T, hoàn thiện thủ tục để T1 chuyển lại cho khách hàng.

Việc hợp thức thanh toán hóa đơn qua tài khoản Ngân hàng do T1 có trách nhiệm hợp thức hóa; cụ thể khách hàng mua hóa đơn chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức hóa đơn cho Công ty T, C rút tiền ra khỏi tài khoản Công ty và nộp số tiền này vào tài khoản cá nhân của C tại Ngân hàng B số 4800648700 hoặc số tài khoản 8862296729 và Ngân hàng V số 101601161081; sau đó C chuyển khoản tiền từ tài khoản cá nhân của C đến các số tài khoản do T1 đưa. Việc thanh toán trả tiền mua trái phép hóa đơn do khách hàng thanh toán tiền mua trái phép hóa đơn cho T1, T1 thanh toán trả C với số tiền 5% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền này bị cáo T1 trả cho C theo từng tháng khi đã tổng hợp, thống nhất các số hóa đơn đã bán được trong tháng hoặc C khấu trừ luôn vào tiền hợp thức thanh toán hóa đơn khi Công ty khách hàng chuyển đến tài khoản của Công ty T.

Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C đã bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho 16 Công ty, đơn vị, cụ thể:

Công ty TNHH X, mã số thuế 0600002584: Từ ngày 31/01/2024 đến ngày 29/10/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 24 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Phan Ngọc S - Giám đốc Công ty TNHH X, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 56.723.347.924 đồng, sau thuế là 61.261.215.758 đồng; cụ thể: C bán cho T1 24 số hóa đơn nêu trên với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Phan Ngọc S với số tiền 7%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 2.836.167.396 đồng ( $56.723.347.924 \text{ đồng} \times 5\% = 2.836.167.396 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 1.134.466.958 đồng ( $56.723.347.924 \text{ đồng} \times 2\% = 1.134.466.958 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH X, mã số thuế 2700821573: Từ ngày 05/8/2024 đến ngày 15/10/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 15 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Vũ Mạnh C2 - Giám đốc Công ty TNHH X, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 16.401.731.800 đồng, sau thuế là 18.010.104.980 đồng; cụ thể: C2 bán cho T1 15 hóa đơn nêu trên với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Vũ Mạnh C2 với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 820.086.590 đồng ( $16.401.731.800 \text{ đồng} \times 5\% = 820.086.590 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 164.017.318 đồng ( $16.401.731.800 \text{ đồng} \times 01\% = 164.017.318 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH T, mã số thuế 0102045151: Từ ngày 27/12/2023 đến ngày 11/9/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 12 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Phạm Thị Bích H1 thuộc Công ty TNHH T, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 10.153.931.715 đồng, sau thuế là 11.001.964.252 đồng; cụ thể: C bán cho T1 12 hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Phạm Thị Bích H1 với số tiền 7%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 507.696.585 đồng ( $10.153.931.715 \text{ đồng} \times 5\% = 507.696.585 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 203.078.635 đồng ( $10.153.931.715 \text{ đồng} \times 02\% = 203.078.635 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH B, mã số thuế 0106600462: Từ ngày 28/12/2023 đến ngày 01/10/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 17 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH B (M), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.841.980.496 đồng, sau thuế là 1.989.338.936 đồng; cụ thể: C bán cho T1 17 hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty TNHH B, với số tiền

7%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 92.099.024 đồng ( $1.841.980.496 \text{ đồng} \times 5\% = 92.099.024 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 36.839.610 đồng ( $1.841.980.496 \text{ đồng} \times 2\% = 36.839.610 \text{ đồng}$ ).

Công ty Cổ phần T5, mã số thuế 0101915035: Bùi Mạnh C đã bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần T5 (mã số thuế 0101915035), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 343.030.000 đồng, sau thuế là 377.333.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty Cổ phần T5 với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 17.151.500 đồng ( $343.030.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.151.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 3.430.300 đồng ( $343.030.000 \text{ đồng} \times 01\% = 3.430.300 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH T, mã số thuế 0102398358: Bùi Mạnh C bán trái phép 06 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH T (mã số thuế 0102398358), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.332.050.000 đồng, sau thuế là 2.565.255.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 06 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty TNHH T với số tiền 7%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 116.602.500 đồng ( $2.332.050.000 \text{ đồng} \times 5\% = 116.602.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 46.641.000 đồng ( $2.332.050.000 \text{ đồng} \times 02\% = 46.641.000 \text{ đồng}$ ).

Công ty Cổ phần T6, mã số thuế 0105362769: Bùi Mạnh C đã bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần T6 (mã số thuế 0105362769), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 408.164.624 đồng, sau thuế là 448.981.087 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty Cổ phần T6, với số tiền 7%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 20.408.231 đồng ( $408.164.624 \text{ đồng} \times 5\% = 20.408.231 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 8.163.292 đồng ( $408.164.624 \text{ đồng} \times 2\% = 8.163.292 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH V, mã số thuế: 0601199069: Bùi Mạnh C đã bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH V (mã số thuế 0601199069), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.957.960.800

đồng, sau thuế là 2.114.597.664 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty TNHH V, với số tiền 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 97.898.040 đồng ( $1.957.960.800 \text{ đồng} \times 5\% = 97.898.040 \text{ đồng}$ ), T1 không thu lợi ở giao dịch này.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh N: Bùi Mạnh C bán trái phép 04 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh N, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 4.198.790.259 đồng, sau thuế là 4.616.776.600 đồng; cụ thể: C bán cho T1 04 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh N, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 209.939.512 đồng ( $4.198.790.259 \text{ đồng} \times 5\% = 209.939.512 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 41.987.903 đồng ( $4.198.790.259 \text{ đồng} \times 01\% = 41.987.903 \text{ đồng}$ ).

Ủy ban nhân dân xã N, mã số thuế 0600147526: Thông qua bị cáo Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 02 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (cũ), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 81.000.000 đồng, sau thuế là 89.100.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Thúy bán lại cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 4.050.000 đồng ( $81.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.050.000 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 810.000 đồng ( $81.000.000 \text{ đồng} \times 01\% = 810.000 \text{ đồng}$ ).

Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh N, mã số thuế 0600334195: Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 02 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh N (mã số thuế 0600334195), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 51.388.889 đồng, sau thuế là 55.500.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh N (cũ), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 2.569.444 đồng ( $51.388.889 \text{ đồng} \times 5\% = 2.569.444 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 513.889 đồng ( $51.388.889 \text{ đồng} \times 01\% = 513.889 \text{ đồng}$ ).

Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định, mã số thuế 0600703526: Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái

phép 02 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 47.000.000 đồng, sau thuế là 50.760.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi các tờ hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 2.350.000 đồng ( $47.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.350.000 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 470.000 đồng ( $47.000.000 \text{ đồng} \times 01\% = 470.000 \text{ đồng}$ ).

Công đoàn Phòng Kế hoạch và Vật tư (Điện lực tỉnh Nam Định cũ): Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 01 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công đoàn Phòng Kế hoạch và Vật tư (Điện lực tỉnh N cũ), với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 9.250.000 đồng, sau thuế là 9.990.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 01 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công đoàn Phòng Kế hoạch và Vật tư (Điện lực tỉnh N cũ), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 462.500 đồng ( $9.250.000 \text{ đồng} \times 5\% = 462.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 92.500 đồng ( $9.250.000 \text{ đồng} \times 01\% = 92.500 \text{ đồng}$ ).

Trường T7 Nam Định, mã số thuế 0601182234: Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 04 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Trường T7 Nam Định, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 55.462.962 đồng, sau thuế là 59.900.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 04 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Trường T7 Nam Định, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 2.773.148 đồng ( $55.462.962 \text{ đồng} \times 5\% = 2.773.148 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 554.630 đồng ( $55.462.962 \text{ đồng} \times 01\% = 554.630 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH T: Thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH T, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 47.150.000 đồng, sau thuế là 50.922.000 đồng; cụ thể: C bán cho T1 02 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. T1 bán lại cho Công ty TNHH T, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 2.357.500 đồng ( $47.150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.357.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 471.500 đồng ( $47.150.000 \text{ đồng} \times 01\% = 471.500 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH MTV C, mã số thuế 5200104527: Thông qua bị cáo Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 06 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH MTV C, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.617.457.000 đồng, sau thuế là 2.879.202.700 đồng; cụ thể: C bán cho T1 06 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Thúc bán lại cho Công ty TNHH MTV C, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 130.872.850 đồng (2.617.457.000 đồng x 5% = 130.872.850 đồng).

Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền 26.174.570 đồng (2.617.457.000 đồng x 01% = 26.174.570 đồng).

Như vậy, thông qua Trần Thị T1 môi giới, Bùi Mạnh C đã bán 103 số hóa đơn GTGT không (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T cho 16 Công ty, Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền là 4.863.484.820 đồng, Trần Thị T1 thu lợi bất chính số tiền là 1.667.712.105 đồng.

Bùi Mạnh C bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T thông qua Trần Thị C1 như sau:

Thông qua Trần Thị C1 môi giới, Bùi Mạnh C bán hóa đơn không cho C1 với số tiền là 05% giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn, Chúc bán lại cho các Công ty, đơn vị với số tiền từ 06% đến 6,5% để hưởng chênh lệch; cụ thể khi khách hàng (Công ty, đơn vị) có nhu cầu mua hóa đơn, Chúc sẽ gửi thông tin cần ghi trên hóa đơn cho Bùi Mạnh C (tên hàng hóa, số lượng, chủng loại, đơn giá), sau đó C gửi thông tin cho Trần Thị T1 (kế toán Công ty T) để xuất hóa đơn cho khách hàng (C đưa USB token của Công ty T cho T1 sử dụng). Về hợp đồng kinh tế, chứng từ liên quan do bên khách hàng mua hóa đơn soạn thảo, sau đó C1 chuyển cho C ký, đóng dấu Công ty T, hoàn thiện thủ tục để C1 chuyển lại cho khách hàng.

Về việc hợp thức tiền thanh toán hóa đơn qua tài khoản ngân hàng: Chúc có trách nhiệm trong việc hợp thức hóa tài khoản ngân hàng; sau khi Công ty đầu mua chuyển khoản tiền thanh toán hợp thức hóa đơn cho Công ty T, C sẽ rút tiền ra khỏi tài khoản Công ty T và nộp số tiền đó vào tài khoản cá nhân của C (số tài khoản 48010000648700 hoặc số tài khoản 8862296729), sau đó C chuyển trả lại tiền cho C1 (chuyển vào tài khoản mà C1 yêu cầu). Trần Thị C1 thanh toán trả tiền mua hóa đơn cho Bùi Mạnh C theo từng tháng khi đã tổng hợp, thống nhất các số hóa đơn đã bán trong tháng (hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản) hoặc có lần C khấu trừ luôn vào số tiền thanh toán hợp thức hóa đơn mà Công ty khách hàng chuyển đến.

Thông qua Trần Thị C1 môi giới, Bùi Mạnh C đã bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng không (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T cho 10 Công ty, cụ thể như sau:

Công ty TNHH H (mã số thuế 0700829427): Từ ngày 27/9/2023 đến ngày 24/11/2023, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 13 số hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Hoàng Duy C3 - Giám đốc Công ty TNHH H, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 5.591.295.818 đồng, sau thuế là 6.038.599.483 đồng; cụ thể: C bán cho C1 13 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho Hoàng Duy C3, với số tiền 6,5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 279.564.790 đồng ( $5.591.295.818 \text{ đồng} \times 5\% = 279.564.790 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 83.869.437 đồng ( $5.591.295.818 \text{ đồng} \times 1,5\% = 83.869.437 \text{ đồng}$ ).

Công ty Cổ phần P (MST: 5700524417): Từ ngày 29/9/2023 đến ngày 25/4/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 18 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần P, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.010.030.000 đồng, sau thuế là 2.170.832.400 đồng; cụ thể: C bán cho C1 18 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên T2 (chưa xác định được nhân thân, lý lịch), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 100.501.500 đồng ( $2.010.030.000 \text{ đồng} \times 5\% = 100.501.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 20.100.300 đồng ( $2.010.030.000 \text{ đồng} \times 01\% = 20.100.300 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH H (MST 0901006695): Từ ngày 08/11/2023 đến ngày 07/5/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 14 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH H, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.683.150.000 đồng, sau thuế là 2.941.775.000 đồng; cụ thể: C bán cho C1 14 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên N (chưa xác định được nhân thân, lý lịch), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 134.157.500 đồng ( $2.683.150.000 \text{ đồng} \times 5\% = 134.157.500 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 26.831.500 đồng ( $2.683.150.000 \text{ đồng} \times 01\% = 26.831.500 \text{ đồng}$ ).

Công ty Cổ phần Đ (MST 0102773866): Từ ngày 22/01/2024 đến ngày 18/09/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 12 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần Đ 6, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 5.609.480.000 đồng, sau thuế là 6.155.783.200 đồng; cụ thể: C bán cho C1 12 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên N (chưa xác định được nhân thân, lý lịch), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 280.474.000 đồng ( $5.609.480.000 \text{ đồng} \times 5\% = 280.474.000 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 56.094.800 đồng (5.609.480.000 đồng x 01% = 56.094.800 đồng).

Công ty TNHH C (MST 0901130413): Từ ngày 25/09/2023 đến ngày 15/05/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 16 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH C, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.701.785.000 đồng, sau thuế là 2.970.474.640 đồng; cụ thể: C bán cho C1 16 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên N (chưa xác định được nhân thân, lý lịch), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 135.089.250 đồng (2.701.785.000 đồng x 5% = 135.089.250 đồng).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 27.017.850 đồng (2.701.785.000 đồng x 01% = 27.017.850 đồng).

Công ty TNHH T (MST 0901111146): Từ ngày 25/09/2023 đến ngày 13/07/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 19 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH T, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 9.107.924.400 đồng, sau thuế là 10.018.716.840 đồng; cụ thể: C bán cho C1 19 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên N (chưa xác định được nhân thân, lý lịch), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 455.396.220 đồng (9.107.924.400 đồng x 5% = 455.396.220 đồng).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 91.079.244 đồng (9.107.924.400 đồng x 01% = 91.079.244 đồng).

Công ty Cổ phần Đ1 (MST 0106772239): Từ ngày 30/01/2024 đến ngày 29/07/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 12 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần Đ1, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 2.387.847.545 đồng, sau thuế là 2.616.071.100 đồng; cụ thể: C bán cho C1 12 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ nơi cư trú, với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 119.392.377 đồng (2.387.847.545 đồng x 5% = 119.392.377 đồng).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 23.878.475 đồng (2.387.847.545 đồng x 01% = 23.878.475 đồng).

Công ty TNHH X (MST 0105739623): Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/09/2024, Bùi Mạnh C đã bán trái phép 15 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH X, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 5.636.448.633 đồng, sau thuế là 6.128.324.255 đồng; cụ thể: C bán cho C1 15 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên N (không xác

định được nhân thân, lý lịch của N), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 281.822.431 đồng ( $5.636.448.633 \text{ đồng} \times 5\% = 281.822.431 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 56.364.486 đồng ( $5.636.448.633 \text{ đồng} \times 01\% = 56.364.486 \text{ đồng}$ ).

Công ty TNHH MTV K (MST 0601033521): Từ ngày 26/10/2023 đến ngày 21/11/2023, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 10 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty TNHH MTV K, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 3.524.716.200 đồng, sau thuế là 3.877.187.820 đồng; cụ thể: C bán cho C1 10 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho H2 (Giám đốc Công ty TNHH một thành viên K), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 176.235.810 đồng ( $3.524.716.200 \text{ đồng} \times 5\% = 176.235.810 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 35.247.162 đồng ( $3.524.716.200 \text{ đồng} \times 01\% = 35.247.162 \text{ đồng}$ ).

Công ty Cổ phần B1 (MST 5701820962): Từ ngày 23/11/2023 đến ngày 01/07/2024, Bùi Mạnh C đã xuất bán trái phép 13 hóa đơn giá trị gia tăng không của Công ty T cho Công ty Cổ phần B1, với tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.979.900.000 đồng, sau thuế là 2.138.292.000 đồng; cụ thể: C bán cho C1 13 số hóa đơn với giá 5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên các tờ hóa đơn giá trị gia tăng không. Chúc bán lại cho một người phụ nữ tên T2 (*không xác định được nhân thân, lý lịch của T2*), với số tiền 6%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 98.995.000 đồng ( $1.979.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 98.995.000 \text{ đồng}$ ).

Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền 19.799.000 đồng ( $1.979.900.000 \text{ đồng} \times 01\% = 19.799.000 \text{ đồng}$ ).

Như vậy, thông qua Trần Thị C1 môi giới, Bùi Mạnh C bán trái phép 142 số hóa đơn GTGT không (*hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo*) của Công ty T cho 10 Công ty nêu trên, Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền là 2.061.628.878 đồng, Trần Thị C1 thu lợi bất chính số tiền là 440.282.254 đồng.

Bùi Mạnh C trực tiếp bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty T cho các Công ty, đơn vị: Trong số 116 Công ty, đơn vị mua hóa đơn không (*hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo*) của Công ty T, Bùi Mạnh C trực tiếp liên hệ, bán trái phép hóa đơn cho đầu mối của 90 Công ty, đơn vị, với giá bán là 5% tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Sau khi đơn vị mua hóa đơn chuyển tiền đến tài khoản của Công ty T để hợp thức thanh toán hóa đơn, Bùi Mạnh C sẽ rút tiền ra khỏi tài khoản Công ty T và nộp vào tài khoản cá nhân của C, sau khi khấu trừ số tiền 5% tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại C chuyển trả lại cho khách hàng thông qua hình thức chuyển khoản hoặc trả tiền

mặt. Bùi Mạnh C bán trái phép hóa đơn cho 90 Công ty, đơn vị có bảng kê chi tiết hóa đơn xuất không.

Ban Chấp hành Công đoàn Công ty TNHH M (V) - Chi Nhánh N1 là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 29.600.000 đồng, tổng tiền thuế là 2.368.000 đồng.

Chi nhánh xây lắp công trình - Công ty Cổ phần Đ2 (MST 0600201572-022) là 08 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 129.331.929 đồng, tổng tiền thuế là 11.991.493 đồng.

Công ty Cổ phần A (MST 0103972712) là 05 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.278.805.000 đồng, tổng tiền thuế là 227.880.500 đồng.

Công ty Cổ phần B2 (MST 0600804972) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 73.169.500 đồng, tổng tiền thuế là 7.316.950 đồng.

Công ty Cổ phần C4 và Phòng cháy chữa cháy Thịnh Phát (MST 0601181495) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 41.650.000 đồng, tổng tiền thuế là 3.332.000 đồng.

Công ty Cổ phần C (MST 0100597206) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 700.685.000 đồng, tổng tiền thuế là 70.068.500 đồng.

Công ty Cổ phần C5 và Thiết bị phòng cháy chữa cháy Asean (MST 0109576578) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 39.686.000 đồng, tổng tiền thuế là 3.599.040 đồng.

Công ty Cổ phần Đ3 (MST 5900996872) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.634.750.000 đồng, tổng tiền thuế là 263.475.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đ4 (MST 0600965680) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 180.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 14.400.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đ (MST 0110008474) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.807.180.098 đồng, tổng tiền thuế là 280.718.010 đồng.

Công ty Cổ phần Đ5 (MST: 0101437389) là 07 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 10.831.815.000 đồng, tổng tiền thuế là 1.083.181.500 đồng.

Công ty Cổ phần Đ6 (MST 0108508977) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 197.370.000 đồng, tổng tiền thuế là 16.451.500 đồng.

Công ty Cổ phần Đ7 (MST 0101658934) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 220.909.091 đồng, tổng tiền thuế là 22.090.909 đồng.

Công ty Cổ phần Đ (MST 0101646022) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 314.900.000 đồng, tổng tiền thuế là 25.192.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đ8 (MST 0104509070) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.370.598.775 đồng, tổng tiền thuế là 189.647.902 đồng.

Công ty Cổ phần Đ (MST 0102145822) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 229.116.000 đồng, tổng tiền thuế là 22.911.600 đồng.

Công ty Cổ phần Đ9 (MST 5400205956) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 6.539.975.000 đồng, tổng tiền thuế là 653.997.500 đồng.

Công ty Cổ phần C5 (MST 1000767784) là 05 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 534.616.000 đồng, tổng tiền thuế là 53.461.600 đồng.

Công ty Cổ phần M1 (MST 1702049826) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 948.297.000 đồng, tổng tiền thuế là 75.863.760 đồng.

Công ty Cổ phần A (MST 0105043258) là 04 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 719.965.000 đồng, tổng tiền thuế là 71.996.500 đồng.

Công ty Cổ phần S1 (M2) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 36.560.000 đồng, tổng tiền thuế là 3.656.000 đồng.

Công ty Cổ phần T8 (MST 0102208543) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.768.515.000 đồng, tổng tiền thuế là 221.481.200 đồng.

Công ty Cổ phần T9 (MST 0107822891) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.000.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 100.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần T10 (MST 0600346779) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.242.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 99.360.000 đồng.

Công ty Cổ phần T D&T (MST 0105038113) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 139.050.000, tổng tiền thuế là 13.905.000 đồng.

Công ty Cổ phần T11 (MST B) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 335.879.000 đồng, tổng tiền thuế là 33.587.900 đồng.

Công ty Cổ phần T12 (MST 0103235606) là 05 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 444.790.002 đồng, tổng tiền thuế là 44.479.000 đồng.

Công ty Cổ phần X (M3) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 244.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 19.520.000 đồng.

Công ty Cổ phần X1 (MST 2300288135) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 333.798.854 đồng, tổng tiền thuế là 33.379.886 đồng.

Công ty Cổ phần X2 (MST 0600289182) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 427.624.600 đồng, tổng tiền thuế là 42.762.460 đồng.

Công ty Cổ phần X3 (MST 0601134784) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 663.552.140 đồng, tổng tiền thuế là 66.355.214 đồng.

Công ty Cổ phần X4 (MST 0100105126) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 335.974.247 đồng, tổng tiền thuế là 26.877.940 đồng.

Công ty Cổ phần A (MST 5701912645) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 724.750.000 đồng, tổng tiền thuế là 57.980.000 đồng.

Công ty Cổ phần X (M4) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 640.145.455 đồng, tổng tiền thuế là 64.014.545 đồng.

Công ty Cổ phần X5 (MST 5702125055) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 406.592.000 đồng, tổng tiền thuế là 32.527.360 đồng.

Công ty Cổ phần T13 (MST 0700871316) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 144.500.000 đồng, tổng tiền thuế là 14.450.000 đồng

Công ty Cổ phần T14 (MST 2300864565) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 268.418.183 đồng, tổng tiền thuế là 26.841.817 đồng.

Công ty X2 - Chi nhánh Tổng Công ty Đ10 (MST 0100100417-003) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 21.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 1.680.000 đồng.

Công ty TNHH D (MST 0102062453) là 09 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 388.451.000 đồng, tổng tiền thuế là 38.845.100 đồng.

Công ty TNHH C (MST 2700345966) là 05 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 13.050.070.000 đồng, tổng tiền thuế là 1.305.007.000 đồng.

Công ty TNHH C (MST B) là 08 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.689.851.237 đồng, tổng tiền thuế là 168.985.125 đồng.

Công ty TNHH Đ (M5) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 302.900.000 đồng, tổng tiền thuế là 24.232.000 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2301085226) là 04 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 3.472.644.000 đồng, tổng tiền thuế là 347.264.400 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2400969233) là 06 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 375.072.728 đồng, tổng tiền thuế là 37.507.272 đồng.

Công ty TNHH Đ (M6) là 09 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 3.888.171.449 đồng, tổng tiền thuế là 311.053.715 đồng.

Công ty TNHH Đ (M7) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 42.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 4.200.000 đồng.

Công ty TNHH Đ (M8) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 140.363.636 đồng, tổng tiền thuế là 14.036.364 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2700877093) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 123.920.000 đồng, tổng tiền thuế là 12.392.000 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2301123640) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 16.686.111 đồng, tiền thuế là 1.334.889 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2700877093) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 123.920.000 đồng, tổng tiền thuế là 12.392.000 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST A) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.789.125.000 đồng, tổng tiền thuế là 178.912.500 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 2300934283) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 110.400.000, tổng tiền thuế là 11.040.000 đồng.

Công ty TNHH Đ (MST 0600297320) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 136.640.000 đồng, tổng tiền thuế là 13.664.000 đồng.

Công ty TNHH G (M9) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 35.100.000 đồng, tổng tiền thuế là 2.808.000 đồng.

Công ty TNHH H (MST 0900217157) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 105.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 10.500.000 đồng.

Công ty TNHH J (MST 0108609573) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 189.758.000 đồng, tổng tiền thuế là 18.975.800 đồng.

Công ty TNHH K (M10) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 881.064.178 đồng, tổng tiền thuế là 70.485.134 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên P (MST 5701812217) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.086.480.000 đồng, tổng tiền thuế là 86.918.400 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên T (MST 0600710844) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 665.088.000 đồng, tổng tiền thuế là 66.508.800 đồng.

Công ty TNHH P (MST 2601074835) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 490.478.100 đồng, tổng tiền thuế là 42.238.248 đồng.

Công ty TNHH Q (MST 5702080485) là 09 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 847.850.000 đồng, tổng tiền thuế là 67.828.000 đồng.

Công ty TNHH S (MST 0601249496) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 133.199.800 đồng, tổng tiền thuế là 13.319.980 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0110310639) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 15.000.000, tổng tiền thuế là 1.200.000 đồng.

Công ty TNHH T (MST 2301224818) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 30.300.000 đồng, tổng tiền thuế là 3.030.000 đồng.

Công ty TNHH T (M11) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 3.618.995.000 đồng, tổng tiền thuế là 361.899.500 đồng.

Công ty TNHH T (MST E) là 04 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 846.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 67.680.000 đồng.

Công ty TNHH T (MST A) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 2.838.900.000 đồng, tổng tiền thuế là 278.498.340 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0700823023) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 182.250.000 đồng, tổng tiền thuế là 18.225.000 đồng.

Công ty TNHH T (M12) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 7.194.250.000 đồng, tổng tiền thuế là 719.425.000 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0601075553) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.329.070.000, tổng tiền thuế là 132.907.000 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0105315134) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.503.056.137 đồng, tổng tiền thuế là 150.305.613 đồng.

Công ty TNHH T (MST: 0110220086) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 448.181.819 đồng, tổng tiền thuế là 44.818.181 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0107685853) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 742.815.000 đồng, tổng tiền thuế là 74.281.500 đồng.

Công ty TNHH V (MST 0901107132) là 05 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 3.134.750.000 đồng, tổng tiền thuế là 313.475.000 đồng.

Công ty TNHH V (MST 0600396353) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 37.500.000 đồng, tổng tiền thuế là 3.750.000 đồng.

Công ty TNHH V (MST 5701904348) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 100.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 8.000.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0901126470) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 288.550.000 đồng, tổng tiền thuế là 28.855.000 đồng.

Công ty TNHH X (M13) là 07 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 5.830.328.750 đồng, tổng tiền thuế là 583.032.875 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0106887208) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 1.557.500.000 đồng, tổng tiền thuế là 155.750.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0110553543) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 262.650.000 đồng, tổng tiền thuế là 26.265.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0700853211) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 895.850.000 đồng, tổng tiền thuế là 89.585.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 2300371601) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 292.050.000 đồng, tổng tiền thuế là 29.205.000 đồng.

Công ty TNHH X (M14) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 56.160.000, tổng tiền thuế là 5.616.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 5702136402) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 102.000.000, tổng tiền thuế là 8.160.000 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0700868698) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 713.732.407 đồng, tổng tiền thuế là 57.098.593 đồng.

Công ty TNHH X (MST 0107014206) là 06 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 310.747.400 đồng, tổng tiền thuế là 28.061.912 đồng.

Công ty TNHH T (MST 0700297317) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 840.000.000 đồng, tổng tiền thuế là 84.000.000 đồng.

Công ty V1 - (TNHH) (MST 2300237645) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 52.400.000 đồng, tổng tiền thuế là 5.240.000 đồng.

Liên Đoàn lao động huyện N (MST F) là 01 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 6.759.259 đồng, tổng tiền thuế là 540.741 đồng.

Liên Đoàn lao động huyện T (MST F) là 02 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 16.237.037 đồng, tổng tiền thuế là 1.298.963 đồng.

Văn Phòng đại diện J tại Thành phố Hà Nội (MST 0110124512) là 03 hóa đơn, tổng tiền trước thuế là 36.439.812 đồng, tổng tiền thuế là 2.915.186 đồng.

Đối với 90 Công ty, đơn vị mà Bùi Mạnh C trực tiếp bán 231 số hóa đơn, với tổng tiền trước thuế là 105.242.354.734 đồng, C hưởng lợi 5%/tổng giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn, tương ứng số tiền là 5.262.117.737 đồng.

Tổng số hoá đơn và số tiền các bị cáo thu lợi bất chính:

Đối với Trần Thị T1, đã mua bán trái phép tổng số 492 số hóa đơn GTGT không, thu lợi bất chính số tiền là 1.667.712.105 đồng thông qua việc bán trái phép 103 số hóa đơn GTGT không (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T cho 16 Công ty, đơn vị. Đến nay bị cáo T1 đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 200.000.000 đồng.

Đối với Trần Thị C1, thu lợi bất chính số tiền là 440.282.254 đồng thông qua việc bán trái phép 142 số hóa đơn GTGT không (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T cho 10 Công ty. Đến nay bị cáo C1 đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 440.282.254 đồng.

Đối với Bùi Mạnh C, đã mua bán trái phép tổng số 933 số hóa đơn GTGT không. Tổng số tiền bị cáo thu được khi bán trái phép 476 số hóa đơn không (hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T cho 116 Công ty, đơn vị là 12.187.231.435 đồng (5.262.117.737 đồng + 4.863.484.820 đồng + 2.061.628.878 đồng), tương đương 5% tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền C đã chi phí mua trái phép 457 số hóa đơn đầu vào của Công ty T là 7.253.245.115 đồng, tương đương 3% tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền Bùi Mạnh C thu lợi bất chính là 4.933.986.320 đồng (12.187.231.435 đồng - 7.253.245.115 đồng = 4.933.986.320 đồng). Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo C đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 300.000.000 đồng.

Về hành vi của các bị cáo phạm tội trốn thuế

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập, kết luận giám định ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Thuế tỉnh N về việc sử dụng hóa đơn GTGT không (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty T đối với 04 Công ty: Công ty TNHH X (M15), Công ty TNHH X (M16), Công ty TNHH H (M17), Công ty T cho Công ty TNHH T (MST 0102045151).

Đối với Phan Ngọc S - Giám đốc Công ty TNHH X mua, sử dụng 24 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế cho Công ty TNHH X từ kỳ khai tháng 01 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024 đã trốn Thuế

giá trị gia tăng, với số tiền thuế trôn là 4.537.867.834 đồng. Quá trình điều tra bị cáo đã nộp tờ khai thuế GTGT Công ty TNHH X bổ sung, điều chỉnh làm giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 24 số hóa đơn bất hợp pháp của Công ty T và tự giác nộp số tiền 886.145.578 đồng vào ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả.

Đối với Vũ Mạnh C2 - Giám đốc Công ty TNHH X C2 mua và sử dụng 15 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế cho Công ty TNHH X C2 vào kỳ khai quý 3 năm 2024, quý 4 năm 2024 đã trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền thuế trôn là 1.590.964.267 đồng. Đến nay Vũ Mạnh C2 đã nộp số tiền 1.590.964.267 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với Hoàng Duy C3 - Giám đốc Công ty TNHH H mua và sử dụng 13 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế cho Công ty TNHH H vào kỳ khai quý 3 năm 2024, quý 4 năm 2024 đã trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 447.303.665 đồng. Đến nay Hoàng Duy C3 đã nộp số tiền 447.303.665 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với Phạm Thị Bích H1 - kế toán mua và sử dụng 12 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế cho Công ty TNHH T từ kỳ khai tháng 12 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024 đã trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 731.931.145 đồng. Đến nay Công ty TNHH T đã nộp tờ khai thuế GTGT bổ sung, điều chỉnh làm giảm thuế GTGT được khấu trừ đối với 12 số hóa đơn bất hợp pháp của Công ty T và tự giác nộp số tiền 757.922.736 đồng vào ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận giám định số 152/KL-KTHS ngày 20/01/2025 của Phòng K đã xác định các chữ ký giám định không cùng dạng, không phải do cùng một người ký.

Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định số 3667 ngày 08/8/2025 để giám định xác định thiệt hại đối với ngân sách Nhà nước trong việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hạch toán kế toán, kê khai, khấu trừ thuế của các Công ty: Công ty TNHH X (M15), Công ty TNHH X (M16), Công ty TNHH H (M17), Công ty T cho Công ty TNHH T (MST: 0102045151).

Ngày 25/8/2025 Tổ giám định Tư pháp thuộc Thuế tỉnh N ban hành Kết luận giám định nội dung: Hành vi sử dụng 24 hóa đơn GTGT mua vào “không” của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế Công ty TNHH X tháng T3 từ kỳ khai tháng 01 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024 dẫn đến trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 4.537.867.834 đồng. Hành vi sử dụng 15 hóa đơn GTGT mua vào “không” của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế Công ty TNHH X C2 vào kỳ khai quý 3 năm 2024, quý 4 năm 2024 dẫn đến trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 1.590.964.267 đồng.

Hành vi sử dụng 13 hóa đơn GTGT mua vào “không” của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế Công ty TNHH H vào kỳ khai quý 3 tháng 2024, quý 4 tháng 2024 dẫn đến trôn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 447.303.665 đồng.

Hành vi sử dụng 12 hóa đơn GTGT mua vào “khống” của Công ty TNHH X để kê khai báo cáo thuế Công ty TNHH T từ kỳ khai tháng 12 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024 dẫn đến trốn Thuế giá trị gia tăng, với số tiền là 731.931.145 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ đồ vật, tài liệu gồm: Hồ sơ pháp nhân; tài liệu kê khai, báo cáo thuế; 476 số hóa đơn GTGT khống của Công ty T xuất cho Công ty A1 Công ty, đơn vị; 457 số hóa đơn GTGT mua vào của Công ty T và các tài liệu liên quan đến việc mua bán hóa đơn của Công ty T.

Hồ sơ pháp nhân; tài liệu kê khai, báo cáo thuế; hóa đơn GTGT đối với các Công ty, đơn vị mua hóa đơn GTGT của Công ty T và các tài liệu liên quan đến việc mua bán hóa đơn (Hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa, sao kê tài khoản ngân hàng, ủy nhiệm chi, chứng từ thanh toán liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn ...). Sao kê tài khoản Ngân hàng của các bị cáo và các cá nhân liên quan.

Cơ quan điều tra trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử: Phục hồi, trích xuất dữ liệu điện tử trong 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Dell thu giữ của Trần Thị C1 trong quá trình điều tra. Kết luận giám định số 835/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Phục hồi trích xuất dữ liệu được lưu trong 01 (một) USB, dung lượng 29GB dữ liệu. Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại di động, 01 (một) máy tính xách tay của Trần Thị C1 không có tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội mua bán trái phép hoá đơn.

Đối với 01 (một) USB, dung lượng 29GB dữ liệu theo Kết luận giám định số 835/KL-KTHS ngày 26/5/2025, đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình đã căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 47; khoản 2 Điều 106; Điều 129; khoản 2 Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 5 năm 2025. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt tiền, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, bị cáo Bùi Mạnh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình, theo hướng xử phạt bị cáo Bùi Mạnh C 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định. Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Mạnh C thừa nhận các tình tiết ghi trong án sơ thẩm là đúng với diễn biến của vụ án; lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 09/2023 đến tháng 10/2024, Bùi Mạnh C là Giám đốc Công ty TNHH X mua trái phép 457 hoá đơn khống (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của 19 Công ty, với tổng số tiền trước thuế là 241.774.837.192 đồng và bán trái phép 476 hoá đơn khống (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) cho 116 Công ty, với tổng số tiền trước thuế là 243.744.628.700 đồng. Bị cáo Bùi Mạnh C thu lợi bất chính số tiền 4.933.986.320 đồng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh C về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Bùi Mạnh C thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình; mẹ đẻ bị cáo (bà Nguyễn Thị L) người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ giải phóng và bị cáo nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính (300.000.000 đồng). Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xuất trình Biên lai thu tiền số 0001402 ngày 14 tháng 4 năm 2026 thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 1.000.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả và tại phiên toà bị cáo ăn năn hối cải, ân hận về hành vi đã gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới; tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với hành vi mà bị cáo đã gây ra; do vậy, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo, thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình và gia đình bị cáo có công với cách mạng. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng và tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động, sản xuất để khắc phục số tiền thu lợi bất chính nộp ngân sách Nhà nước. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 01 tỷ đồng, bị cáo Bùi Mạnh C đã nộp để khắc phục một phần hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0001402 ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, được tạm giữ để đối trừ khi thi hành án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Mạnh C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh C 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (16/4/2026).

Bị cáo đã bị bắt tạm giam từ ngày 02 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 5 năm 2025.

Giao bị cáo Bùi Mạnh C cho Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo theo quy định.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Tạm giữ số tiền số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà bị cáo Bùi Mạnh C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001402 ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đối trừ khi thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Bùi Mạnh C không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Toà Phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT&THA Tòa án tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- TAND khu vực 9 - Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 9 - Ninh Bình;
- UBND xã Xuân Trường;
- Bị cáo;
- Bộ phận HCTP;
- Toà Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đức Thủy**